

Số: *Ab* /BC-SKHĐT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021**  
**trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tính đến ngày 31/3/2021**

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan/đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh một số nội dung như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐẾN NGÀY 31/3/2021**

**1. Tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân vốn**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo theo Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 là 5.198.939 triệu đồng, UBND tỉnh đã ban hành triển khai giao chi tiết vốn đầu tư công cho các Sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến nay đã giao chi tiết 4.604.913/5.198.939 triệu đồng, đạt 88,57% so Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó: vốn ngân sách địa phương đã giao chi tiết 3.953.390/3.978.390 triệu đồng, đạt 99,37%; vốn ngân sách Trung ương đã giao chi tiết 651.523/1.220.549 triệu đồng, đạt 53,38% Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Số vốn còn lại Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục đôn đốc các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để giao hết vốn đúng theo quy định pháp luật.

Đến ngày 31/3/2021, ước thực hiện giá trị khối lượng hoàn thành là 332.625/4.604.913 triệu đồng, đạt 7,22% kế hoạch; giá trị giải ngân là 296.572/4.604.913 triệu đồng, đạt 6,44% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ năm 2020 là 4,58% (chi tiết Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Có 16 dự án trọng điểm được giao kế hoạch vốn là 2.191.730/4.604.913 triệu đồng chiếm 47,6% kế hoạch vốn. Tình hình giải ngân đến ngày 31/3/2021 là 196.442/2.191.730 triệu đồng, đạt 8,96% kế hoạch (chi tiết Phụ lục III kèm theo).

**2. Một số nguyên nhân tỷ lệ giải ngân thấp hơn so cùng kỳ năm 2020**

\* **Một là**, một số đơn vị vẫn chưa hoàn thành thủ tục đầu tư để giao kế hoạch vốn là 594.026 triệu đồng, chiếm **11,43% kế hoạch** vốn năm 2021 (chi tiết Phụ lục IV kèm theo).

\* **Hai là**, các dự án khởi công mới chậm triển khai các thủ tục đấu thầu xây lắp nên chưa tạm ứng vốn cho nhà thầu. Các dự án chuyển tiếp chưa được quan tâm đẩy nhanh tiến độ, lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Cụ thể, kế hoạch vốn năm 2021 bố trí thực hiện cho: 286 dự án khởi công mới là 2.263.952/4.604.913 triệu đồng, chiếm 49,16% kế hoạch; giá trị giải ngân đến





ngày 31/3/2021 đạt 98.356/2.263.952 triệu đồng, đạt 4,34% kế hoạch; có 102 dự án trả nợ, chuyển tiếp là 2.340.961/4.604.913 triệu đồng, chiếm 50,84% kế hoạch; giá trị giải ngân đến ngày 31/3/2021 đạt 198.216/2.340.961 triệu đồng, đạt 8,47% kế hoạch (*chi tiết Phụ lục V kèm theo*).

\* **Ba là**, tâm lý chủ quan của một số chủ đầu tư chưa quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ những tháng đầu năm, do nghỉ Tết nguyên đán nên việc huy động nhân công đầu năm gặp khó khăn. Nhiều đơn vị chưa xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ.

\* **Bốn là**, công tác giải phóng mặt bằng vẫn đang là vướng mắc chưa giải quyết triệt để, đặc biệt là các dự án ngành giao thông vận tải quản lý. Cụ thể các dự án như:

- Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng: Phương án bồi thường GPMB chưa được duyệt, chậm so với kế hoạch;

- Dự án đường tỉnh ĐT.963B: Phần mở rộng còn lại 01 vị trí khoảng 30m, đoạn làm mới còn lại khoảng 450m của 13/25 hộ chưa nhận tiền, đề nghị nâng giá bồi thường mới bàn giao mặt bằng thi công;

- Dự án đường ven sông Cái Lớn: Qua chi trả bồi thường địa bàn U Minh Thượng còn 08 trường hợp yêu cầu xem xét về giá bồi thường về đất đai, hoa màu và các chính sách hỗ trợ; đoạn điều chỉnh qua khu di tích Bờ Dừa, Hội đồng bồi thường huyện U Minh Thượng đã trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khảo sát giá đất ngày 21/10/2020. Tuy nhiên, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa chấp thuận do chưa điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất;

- Dự án đường tỉnh ĐT.966: Phần đường mở rộng còn lại 1.800m chưa giao mặt bằng huyện U Minh Thượng, do người dân không chấp thuận vận động đề nghị hỗ trợ kinh phí bồi thường đất, hoa màu, mái che, vật kiến trúc;

- Dự án cảng hành khách Rạch Giá: Phạm vi ranh quy hoạch cảng hành khách Rạch Giá và mặt bằng hiện trạng chồng lấn một phần với đường Lý Thường Kiệt nổi dài (đoạn từ nút giao đường 3 tháng 2 đến cuối phạm vi dự án cảng hành khách Rạch Giá) do Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang thực hiện dự án Tây Bắc, đến nay chưa bàn giao mặt bằng nên khó khăn triển khai tập kết thiết bị, vật tư để thi công mặt bằng cảng;

- Đường 3/2 nổi dài: Công tác thu thập các thông tin liên quan chủ sử dụng gặp nhiều khó khăn, chưa đầy đủ do chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhiều chủ ngoài tỉnh; một số hộ dân đã nhận thông báo thu hồi đất nhưng chưa phối hợp cung cấp thông tin cho đơn vị đo đạc.

\* **Năm là**, nhóm các dự án chậm hoặc phải điều chỉnh hồ sơ, thủ tục mới triển khai, cụ thể: Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt thiết kế dự toán một số hạng mục, dự án vượt tổng mức đầu tư; Trung tâm y tế huyện Giang Thành vượt tổng mức đầu tư (*cả 02 dự án này chưa trình cấp có thẩm quyền xin ý kiến*); Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020 đang trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt thiết kế dự toán;...



\* **Sáu là**, các dự án trọng tâm, trọng điểm (tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng) của các Sở, ban, ngành và địa phương được giao kế hoạch vốn cho 58 dự án là 3.433.359/4.604.913 triệu đồng chiếm 74,56% kế hoạch vốn, giải ngân đến ngày 31/3/2021 là 234.628/3.433.359 triệu đồng, đạt 6,83% kế hoạch (*chi tiết Phụ lục VI kèm theo*).

## II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Sở, ban, ngành, các BQL dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ đã nêu tại Báo cáo số 37/BC-SKHĐT ngày 22/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang.

2. Khẩn trương tổ chức thực hiện theo nội dung Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị mình.

3. Kiến nghị Sở Xây dựng tăng cường công tác tập huấn phổ biến các văn bản quy định mới, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ tham gia các lĩnh vực quản lý đầu tư công, quản lý dự án, đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, thanh, quyết toán dự án hoàn thành đến các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; các chủ đầu tư và BQL dự án.

4. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng và các nội dung yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 166/SKHĐT-THQHKH ngày 26/02/2021, Công văn số 207/SKHĐT-THQHKH ngày 08/3/2021.

(Lưu ý: Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu chưa chính xác, hoặc trong quá trình triển khai gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản hồi về phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Kế hoạch - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang, điện thoại: 02973 868.943; mail: thqh.skhd@kiengiang.gov.vn).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tính đến ngày 31/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận: *Chuẩn*

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng THQHKH, ThTra, ĐT, TD&GSĐT, VP Sở;
- Lưu: VT, txanh.

VI **GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Huỳnh Xuân Vũ*



**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**ĐẾN NGÀY 31/3/2021 - THEO NGUỒN VỐN**

(Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 31/3/2021				Ghi chú
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9
	TỔNG SỐ	5.198.939	4.604.913	332.625	296.572	7,22%	6,44%	
I	Vốn ngân sách địa phương, trong đó:	3.978.390	3.953.390	231.125	197.647	5,85%	5,00%	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	994.590	41.853	40.217	4,21%	4,04%	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	80.920	78.701	6,22%	6,05%	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.610.000	1.610.000	97.352	68.400	6,05%	4,25%	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	11.000	10.329	22,54%	21,17%	
II	Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:	1.220.549	651.523	101.500	98.925	15,58%	15,18%	
1	Vốn trong nước	1.005.260	441.234	76.500	74.825	17,34%	16,96%	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:	1.005.260	441.234	76.500	74.825	17,34%	16,96%	
	- 'Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	200.000						
2	Vốn nước ngoài	215.289	210.289	25.000	24.100	11,89%	11,46%	



**PHỤ LỤC II**  
**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
**ĐẾN NGÀY 31/3/2021 - THEO SỞ BAN NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 31/3/2021				Các đơn vị gửi báo cáo tháng 3/2021
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9
	TỔNG CỘNG	5.198.939	4.604.913	332.625	296.572	7,22%	6,44%	
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	2.207.023	1.959.723	196.254	173.636	10,01%	8,86%	
1	Công an tỉnh	10.000	6.000	1.606	2.048	26,77%	34,13%	X
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	543.230	549.730	120.400	117.530	21,90%	21,38%	X
3	Sở Nội vụ	2.000	2.000	178	160	8,90%	8,00%	X
4	Sở Văn hóa và Thể thao	53.234	53.234	3.514	3.163	6,60%	5,94%	X
5	Sở Giao thông vận tải	1.036.000	836.000	68.000	48.279	8,13%	5,78%	X
6	Văn phòng Tỉnh ủy	37.500	37.500	1.100	1.080	2,93%	2,88%	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	10.000	166	166	1,66%	1,66%	X
8	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	38.200	25.200	400	395	1,59%	1,57%	





TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 31/3/2021				Các đơn vị gửi báo cáo tháng 3/2021
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.000	13.000	176	176	1,35%	1,35%	
10	Sở Du lịch	50.000	50.000	654	589	1,31%	1,18%	X
11	Sở Y tế	210.000	210.000	60	50	0,03%	0,02%	X
12	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-	1.200	-	-	0,00%	0,00%	
13	Văn phòng UBND tỉnh	2.900	2.900	-	-	0,00%	0,00%	
14	BCH Quân sự tỉnh	5.500	5.500	-	-	0,00%	0,00%	
15	Đài Phát thanh và Truyền hình	12.000	12.000	-	-	0,00%	0,00%	
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30.000	30.000	-	-	0,00%	0,00%	X
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	153.459	115.459	-	-	0,00%	0,00%	
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	2.103.193	2.079.167	136.371	122.936	6,56%	5,91%	
1	Huyện Kiên Hải	32.919	40.189	15.481	15.054	38,52%	37,46%	X
2	Huyện Châu Thành	101.330	64.405	18.959	18.380	29,44%	28,54%	
3	Thành phố Hà Tiên	152.856	119.566	24.200	23.576	20,24%	19,72%	
4	Huyện An Biên	124.309	59.334	6.530	6.372	11,01%	10,74%	X



TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2021 (theo NQ HĐND tỉnh giao đầu năm)	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	THTH từ đầu năm đến ngày 31/3/2021				Các đơn vị gửi báo cáo tháng 3/2021
				Giá trị thực hiện		Tỷ lệ (%)		
				Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	Khối lượng hoàn thành	Giải ngân	
1	2	3	4	5	6	7 = 5/4	8 = 6/4	9
5	Thành phố Rạch Giá	379.611	389.791	38.160	33.862	9,79%	8,69%	X
6	Huyện Vĩnh Thuận	44.945	57.790	3.530	3.402	6,11%	5,89%	X
7	Huyện Giồng Riềng	101.456	100.835	4.450	3.748	4,41%	3,72%	
8	Thành phố Phú Quốc	697.929	706.014	16.207	16.102	2,30%	2,28%	
9	Huyện Giang Thành	38.350	54.710	620	594	1,13%	1,09%	
10	Huyện Kiên Lương	48.511	62.221	4.142	675	6,66%	1,08%	
11	Huyện Hòn Đất	57.852	79.282	707	705	0,89%	0,89%	
12	Huyện U Minh Thượng	54.719	65.274	485	466	0,74%	0,71%	
13	Huyện Tân Hiệp	44.101	56.166	2.900	-	5,16%	0,00%	X
14	Huyện Gò Quao	73.089	87.994	-	-	0,00%	0,00%	
15	Huyện An Minh	151.216	135.596	-	-	0,00%	0,00%	
C	Vốn chuẩn bị đầu tư	888.723	566.023	-	-	0,00%	0,00%	X







**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.191.730</b>	<b>1.481.730</b>	<b>500.000</b>	<b>210.000</b>	<b>196.442</b>	<b>107.873</b>	<b>64.469</b>	<b>24.100</b>	<b>8,96%</b>	<b>1.995.288</b>	
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>			<b>1.274.330</b>	<b>729.330</b>	<b>340.000</b>	<b>205.000</b>	<b>144.599</b>	<b>56.030</b>	<b>64.469</b>	<b>24.100</b>	<b>11,35%</b>	<b>1.129.731</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>			<b>860.000</b>	<b>600.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>43.556</b>	<b>40.491</b>	<b>3.065</b>	<b>-</b>	<b>5,06%</b>	<b>816.444</b>	
1	Dự án ĐTXD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	<b>150.000</b>	150.000			-	-			<b>0,00%</b>	150.000	Chuyển tiếp
2	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	<b>150.000</b>	150.000			<b>25.680</b>	25.680			<b>17,12%</b>	124.320	Chuyển tiếp
3	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	<b>100.000</b>	100.000			<b>14.811</b>	14.811			<b>14,81%</b>	85.189	Chuyển tiếp
4	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	<b>200.000</b>	200.000			-	-			<b>0,00%</b>	200.000	Khởi công mới
5	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	309.000	<b>60.000</b>		60.000		<b>3.065</b>		3.065		<b>5,11%</b>	56.935	Chuyển tiếp
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	<b>200.000</b>		200.000		-		-		<b>0,00%</b>	200.000	Khởi công mới
<b>II</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>			<b>364.330</b>	<b>79.330</b>	<b>80.000</b>	<b>205.000</b>	<b>101.016</b>	<b>15.512</b>	<b>61.404</b>	<b>24.100</b>	<b>27,73%</b>	<b>263.314</b>	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT	96.346	<b>15.000</b>	15.000			<b>5.183</b>	5.183			<b>34,55%</b>	9.817	Chuyển tiếp
2	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	<b>199.330</b>	64.330		135.000	<b>34.429</b>	10.329		24.100	<b>17,27%</b>	164.901	Chuyển tiếp
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	<b>80.000</b>		80.000		<b>61.404</b>	-	61.404		<b>76,76%</b>	18.596	Chuyển tiếp
4	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	313.499	<b>70.000</b>			70.000	-			-	<b>0,00%</b>	70.000	Chuyển tiếp



TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021 (điều chỉnh)	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tính	NSTW	ODA		NS tính	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
III	Sở Y tế			50.000	50.000	-	-	27	27	-	-	0,05%	49.973	
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	50.000	50.000			27	27			0,05%	49.973	Chuyển tiếp
B	CẤP HUYỆN			917.400	752.400	160.000	5.000	51.843	51.843	-	-	5,65%	865.557	
I	Thành phố Phú Quốc			629.400	464.400	160.000	5.000	15.895	15.895	-	-	2,53%	613.505	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Phú Quốc		464.400	464.400			15.895	15.895			3,42%	448.505	
2	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phú Quốc	1.499.739	160.000		160.000		-	-			0,00%	160.000	Chuyển tiếp
3	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	Phú Quốc	4.358.000	5.000			5.000	-			-	0,00%	5.000	Khởi công mới
II	Thành phố Rạch Giá			240.000	240.000	-	-	22.546	22.546	-	-	9,39%	217.454	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		240.000	240.000			22.546	22.546			9,39%	217.454	
III	Thành phố Hà Tiên			48.000	48.000	-	-	13.402	13.402	-	-	27,92%	34.598	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			13.402	13.402			27,92%	34.598	





**PHỤ LỤC IV**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư						Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					NS tỉnh	NSTW	ODA	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó: ngân sách Trung ương	Trong đó: ODA					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG								594.026	25.000	564.026	5.000	
A	CẤP TỈNH								225.000	25.000	200.000	-	
I	Sở Tài nguyên Môi trường								8.000	8.000	-	-	
1	XD trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp.	Các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên	2021-2023	2642/QĐ-UBND, 16/11/2020 của UBND tỉnh	25.000	25.000			8.000	8.000			Khởi công mới
II	Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh								13.000	13.000	-	-	
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy	Xã Vân Khánh, huyện An Minh	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	8.500	8.500			4.000	4.000			Khởi công mới
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	Phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	9.100	9.100			4.000	4.000			Khởi công mới
3	Đồn Biên phòng Vĩnh Điều (965)	Xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	2.800	2.800			2.000	2.000			Khởi công mới
4	Đồn Biên phòng Phú Mỹ (973)	Xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	6.000	6.000			3.000	3.000			Khởi công mới
III	Công an tỉnh								4.000	4.000	-	-	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và CHCN khu vực U Minh Thượng (giai đoạn II) thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2021-2022	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.500	12.500			4.000	4.000			Khởi công mới



TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư						Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					NS tỉnh	NSTW	ODA	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó: ngân sách Trung ương	Trong đó: ODA					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
IV	Sở Giao thông vận tải								200.000	-	200.000	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	2021-2024	495/NQ-HĐND, 11/11/2020 của HĐND tỉnh;	1.479.922		1.479.922		200.000		200.000		Khởi công mới
B	CẤP HUYỆN								369.026	-	364.026	5.000	
I	Thành phố Phú Quốc								5.000	-	-	5.000	
1	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	thành phố Phú Quốc			4.358.000		1.739.000	2.619.000	5.000			5.000	Khởi công mới
II	Huyện Châu Thành								53.000	-	53.000	-	
1	Đường Minh Lương - Giục Tượng	huyện Châu Thành	2021-2023	16/NQ-HĐND, 20/11/2020 của HĐND huyện Châu Thành;	168.798		168.798		53.000		53.000		Khởi công mới
III	Huyện Giồng Riềng								20.026	-	20.026	-	
1	Cầu tuyến tránh Giồng Giềng	huyện Giồng Riềng	2020-2022	11/NQ-HĐND, 27/5/2020 của HĐND huyện Giồng Riềng;	50.000		50.000		20.026		20.026		Khởi công mới
IV	Huyện An Minh								42.000	-	42.000	-	
1	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bàng - Cán Gáo)	huyện An Minh	2021-2025	137/NQ-HĐND, 26/11/2020 của HĐND huyện An Minh;	200.000		200.000		42.000		42.000		Khởi công mới
V	Huyện An Biên								80.000	-	80.000	-	
1	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	huyện An Biên	2021-2024	33/NQ-HĐND, 28/7/2020 của HĐND huyện An Biên;	250.000		250.000		80.000		80.000		Khởi công mới
VI	Chương trình BD-HĐ								169.000		169.000		





PHỤ LỤC V

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRẢ NỢ - CHUYỂN TIẾP - BỔ TRÍ MỚI**

(Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	SỐ VỐN (Triệu đồng)	Số dự án	GIẢI NGÂN ĐẾN NGÀY 31/3/2021		Trong đó:							
						Khởi công mới				Trả nợ + chuyển tiếp			
				Giá trị	Tỷ lệ %	Số dự án	Kế hoạch vốn	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %	Số dự án	Kế hoạch vốn	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6 = 5/3	7	8	9	10 = 9/8	11	12	13	14 = 13/12
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.604.913</b>	<b>388</b>	<b>296.572</b>	<b>6,44%</b>	<b>286</b>	<b>2.263.952</b>	<b>98.356</b>	<b>4,34%</b>	<b>102</b>	<b>2.340.961</b>	<b>198.216</b>	<b>8,47%</b>
1	Ngân sách tỉnh	3.953.390	375	197.647	5,00%	286	2.263.952	98.356	4,34%	89	1.689.438	99.291	5,88%
2	Ngân sách Trung ương	441.234	10	74.825	16,96%					10	441.234	74.825	16,96%
3	ODA	210.289	3	24.100	11,46%					3	210.289	24.100	11,46%



**PHỤ LỤC VI**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỚN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
 (Kèm theo Báo cáo số 46 /BC-SKHĐT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
58	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.433.359</b>	<b>2.381.810</b>	<b>836.260</b>	<b>215.289</b>	<b>234.628</b>	<b>135.703</b>	<b>74.825</b>	<b>24.100</b>	<b>6,83%</b>	<b>3.198.731</b>	
A	<b>CẤP TỈNH</b>			<b>2.052.923</b>	<b>1.361.400</b>	<b>481.234</b>	<b>210.289</b>	<b>163.619</b>	<b>64.694</b>	<b>74.825</b>	<b>24.100</b>	<b>7,97%</b>	<b>1.889.304</b>	
I	<b>Sở Giao thông vận tải</b>			<b>1.036.000</b>	<b>776.000</b>	<b>260.000</b>	<b>-</b>	<b>48.279</b>	<b>45.214</b>	<b>3.065</b>	<b>-</b>	<b>4,66%</b>	<b>987.721</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT	Sở GTVT	125.000	<b>60.000</b>	60.000			<b>4.396</b>	4.396			<b>7,33%</b>	55.604	Chuyển tiếp
2	Dự án nâng cấp đường Thù 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng	Sở GTVT	199.999	<b>40.000</b>	40.000			<b>327</b>	327			<b>0,82%</b>	39.673	Chuyển tiếp
3	ĐTXD đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh	Sở GTVT	63.307	<b>26.000</b>	26.000			-	-			<b>0,00%</b>	26.000	Chuyển tiếp
4	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Sở GTVT	79.543	<b>50.000</b>	50.000			-	-			<b>0,00%</b>	50.000	Chuyển tiếp
5	Dự án ĐTXD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	<b>150.000</b>	150.000			-	-			<b>0,00%</b>	150.000	Chuyển tiếp
6	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	<b>150.000</b>	150.000			<b>25.680</b>	25.680			<b>17,12%</b>	124.320	Chuyển tiếp
7	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	<b>100.000</b>	100.000			<b>14.811</b>	14.811			<b>14,81%</b>	85.189	Chuyển tiếp
8	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	<b>200.000</b>	200.000			-	-			<b>0,00%</b>	200.000	Khởi công mới
9	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	309.000	<b>60.000</b>		60.000		<b>3.065</b>		3.065		<b>5,11%</b>	56.935	Chuyển tiếp
10	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	<b>200.000</b>		200.000		-	-			<b>0,00%</b>	200.000	Khởi công mới
II	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>			<b>493.230</b>	<b>110.230</b>	<b>178.000</b>	<b>205.000</b>	<b>111.372</b>	<b>15.512</b>	<b>71.760</b>	<b>24.100</b>	<b>22,58%</b>	<b>381.858</b>	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT	96.346	<b>15.000</b>	15.000			<b>5.183</b>	5.183			<b>34,55%</b>	9.817	Chuyển tiếp



TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	Sở NN và PTNT	59.982	30.900	30.900			-	-			0,00%	30.900	Chuyển tiếp
3	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	199.330	64.330		135.000	34.429	10.329		24.100	17,27%	164.901	Chuyển tiếp
4	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh, huyện An Biên	Sở NN và PTNT	75.000	12.500		12.500		-		-		0,00%	12.500	Chuyển tiếp
5	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhàu, huyện An Minh	Sở NN và PTNT	85.000	22.500		22.500		10.356		10.356		46,03%	12.144	Chuyển tiếp
6	Kè chống sạt lở khu vực Hòn Quóc, huyện Hòn Đất	Sở NN và PTNT	100.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Chuyển tiếp
7	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	80.000		80.000		61.404		61.404		76,76%	18.596	Chuyển tiếp
8	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	Sở NN và PTNT	120.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Chuyển tiếp
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	Sở NN và PTNT	154.189	23.000		23.000		-		-		0,00%	23.000	Chuyển tiếp
10	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	313.499	70.000			70.000	-			-	0,00%	70.000	Chuyển tiếp
III	Sở Y tế			210.000	210.000	-	-	50	50	-	-	0,02%	209.950	
1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	Sở Y tế	160.000	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Chuyển tiếp
2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	Sở Y tế	190.000	30.000	30.000			23	23			0,08%	29.977	Chuyển tiếp
3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	50.000	50.000			27	27			0,05%	49.973	Chuyển tiếp
4	Đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Sở Y tế	245.168	100.000	100.000			-	-			0,00%	100.000	Chuyển tiếp
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường			115.459	110.170	-	5.289	-	-	-	-	0,00%	115.459	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở TN & MT	755.022	100.000	100.000			-	-			0,00%	100.000	Chuyển tiếp
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở TN & MT	53.829	15.459	10.170		5.289	-	-		-	0,00%	15.459	Chuyển tiếp
V	Sở Văn hóa và Thể thao			53.234	30.000	23.234	-	3.163	3.163	-	-	5,94%	50.071	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Sở VH & TT	129.615	43.234	20.000	23.234		3.162	3.162	-		7,31%	40.072	Chuyển tiếp
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở VH & TT	49.616	10.000	10.000			1	1			0,01%	9.999	Chuyển tiếp
VI	Sở Du lịch			50.000	50.000	-	-	589	589	-	-	1,18%	49.411	



TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chi Sứ)	Sở Du lịch	59.453	20.000	20.000			423	423			2,12%	19.577	Chuyển tiếp
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kênh 14 )	Sở Du lịch	38.000	20.000	20.000			166	166			0,83%	19.834	Chuyển tiếp
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã bao cống Hòn Quáo)	Sở Du lịch	30.000	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
VII	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			30.000	10.000	20.000	-	-	-	-	-	0,00%	30.000	
1	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm	Sở LĐ-TB&XH	45.000	20.000		20.000		-		-		0,00%	20.000	Chuyển tiếp
2	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động - TB&XH	25.000	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
VIII	Văn phòng Tỉnh ủy			35.000	35.000	-	-	-	-	-	-	0,00%	35.000	
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	VPTU	151.293	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Chuyển tiếp
2	Xây dựng mới kho Lưu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	VPTU	35.000	5.000	5.000			-	-			0,00%	5.000	Chuyển tiếp
IX	Các Sở ngành khác			30.000	30.000	-	-	166	166	-	-	0,55%	29.834	
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	73.377	10.000	10.000			166	166			1,66%	9.834	Chuyển tiếp
2	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	Bộ CH ĐB&P tỉnh	60.000	20.000	20.000			-	-			0,00%	20.000	Chuyển tiếp
B	CẤP HUYỆN			1.380.436	1.020.410	355.026	5.000	71.009	71.009	-	-	5,14%	1.309.427	
I	Thành phố Phú Quốc			693.410	528.410	160.000	5.000	15.895	15.895	-	-	2,29%	677.515	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Phú Quốc		464.400	464.400			15.895	15.895			3,42%	448.505	
2	Trường THCS Dương Đông 3	Phú Quốc	60.801	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
3	Đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	Phú Quốc	41.918	54.010	54.010			-	-			0,00%	54.010	Chuyển tiếp
4	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phú Quốc	1.499.739	160.000		160.000		-	-			0,00%	160.000	Chuyển tiếp
5	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc	Phú Quốc	4.358.000	5.000			5.000	-			-	0,00%	5.000	Khởi công mới
II	Thành phố Rạch Giá			334.000	334.000	-	-	31.712	31.712	-	-	9,49%	302.288	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		240.000	240.000			22.546	22.546			9,39%	217.454	
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Rạng)	Rạch Giá	53.469	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Chuyển tiếp



TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2021	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 31/3/2021	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NS tỉnh	NSTW	ODA		NS tỉnh	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa-đường Phan Thị Ràng)	Rạch Giá	64.818	40.000	40.000			-	-			0,00%	40.000	Chuyển tiếp
4	Kè Kênh Nhánh và đường (cầu 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	Rạch Giá	30.000	15.000	15.000			5.188	5.188			34,59%	9.812	Chuyển tiếp
5	Kè, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến cổng Sông Kiên) 16ha	Rạch Giá	22.000	9.000	9.000			3.978	3.978			44,20%	5.022	Chuyển tiếp
III	Thành phố Hà Tiên			83.000	83.000	-	-	23.402	23.402	-	-	28,20%	59.598	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			13.402	13.402			27,92%	34.598	
2	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	Hà Tiên	40.000	10.000	10.000			10.000	10.000			100,00%	-	Chuyển tiếp
3	Bãi rác Hà Tiên	Hà Tiên	30.000	15.000	15.000			-	-			0,00%	15.000	Chuyển tiếp
4	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Hà Tiên	200.480	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
IV	Các huyện khác trong tỉnh			270.026	75.000	195.026	-	-	-	-	-	0,00%	270.026	
1	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	Gò Quao	32.000	15.000	15.000			-	-			0,00%	15.000	Chuyển tiếp
2	Cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965	U Minh Thượng	50.000	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
3	Đường KT1, huyện An Minh	An Minh	200.000	50.000	50.000			-	-			0,00%	50.000	Chuyển tiếp
4	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bàng - Cán Gáo)	An Minh	200.000	42.000		42.000		-		-		0,00%	42.000	Khởi công mới
5	Cầu Thử Ba (ngang kênh xáng Xèo Rô)	An Biên	250.000	80.000		80.000		-		-		0,00%	80.000	Khởi công mới
6	Đường Minh Lương - Giục Tượng	Châu Thành	168.798	53.000		53.000		-		-		0,00%	53.000	Khởi công mới
7	Cầu tuyến tránh Giồng Giếng	Giồng Riềng	50.000	20.026		20.026		-		-		0,00%	20.026	Khởi công mới



**DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Sở Tài chính
3. Sở Xây dựng
4. Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh)
5. Sở Giao thông vận tải
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Sở Y tế
8. Sở Giáo dục và Đào tạo
9. Sở Văn hóa và Thể thao
10. Sở Tài nguyên và Môi trường
11. Sở Du lịch
12. Sở Nội vụ
13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
14. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
15. Công an tỉnh
16. Đài Phát thanh và Truyền hình
17. Văn phòng Tỉnh ủy
18. Văn phòng UBND tỉnh
19. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
20. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
21. Các huyện, thành phố - 15 đơn vị